

Số: 44 /QĐ-TYT

Sơn Tây, ngày 04 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho Danh mục “ Vắc xin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 của Trạm y tế Phường Sơn Tây”

TRƯỞNG TRẠM Y TẾ PHƯỜNG SƠN TÂY

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 6/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/04/2024 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư 07/2024/TT-BYT ngày 17/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15/05/2024 của Hội đồng nhân dân Thành Phố Hà Nội qui định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản



công và thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hà Nội;

Căn cứ qui trình mua sắm vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ của Trạm y tế phường Sơn Tây;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-TYT ngày 25/07/2025 của Trưởng trạm y tế phường Sơn Tây về việc phê duyệt danh mục, tiêu chí kỹ thuật, số lượng vắc xin dịch vụ;

Căn cứ thư mời chào giá vắc xin tiêm chủng dịch vụ ngày 25/07/2025 của Trưởng trạm y tế phường Sơn Tây về việc mời chào giá Vắc xin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025;

Căn cứ biên bản họp của Tổ mua sắm vắc xin theo hình thức dịch vụ về việc đánh giá tính hợp lệ của báo giá, năng lực nhà cung cấp, xét giá và đề xuất nhà cung cấp vắc xin dịch vụ ngày 4/8/2025;

Căn cứ Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều động viên chức, người lao động đến nhận công tác tại Trạm Y tế của 126 xã, phường thuộc thành phố Hà Nội;

Căn cứ Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Sơn Tây về thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND phường Sơn Tây;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Sơn Tây về việc thành lập Trạm Y tế thuộc UBND phường Sơn Tây;

Căn cứ công văn số 3875/UBND-SNV ngày 02/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn tạm thời chức năng nhiệm vụ của đơn vị y tế trực thuộc UBND cấp xã;

Theo đề nghị của KHNƯ-Dược, VT, TBYT và Văn Phòng Trạm Y tế Phường Sơn Tây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho danh mục “ Vắc xin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 của Trạm y tế Phường Sơn Tây” với những nội dung sau:

1. Tên nhà cung cấp, số mặt hàng, giá trị hợp đồng:

STT	Tên nhà cung cấp	Số lượng mặt hàng	Mã số doanh nghiệp	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVACCINE VIỆT NAM	3	0101787369	824.923.500
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	6	0100109699	1.605.073.200
3	CÔNG TY TNHH VẮC XIN THIÊN Y	7	0103734517	1.652.708.850
4	CÔNG TY TNHH AMV PHARMACEUTICAL	5	0105993690	267.902.250
5	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	12	0103053042	4.474.141.000
Tổng cộng: 33 mặt hàng				8.824.748.800

Bằng chữ: Tám tỷ tám trăm hai mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm đồng./.(Có danh mục kèm theo)

2.Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4.Nguồn vốn:Nguồn thu vắc xin dịch vụ của đơn vị.

Điều 2. Giao Hội đồng thuốc và điều trị, Tổ mua sắm vắc xin dịch vụ, Tổ KHNV, Tổ Văn phòng có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của qui trình mua sắm vắc xin dịch vụ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3.Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng thuốc và điều trị, Tổ mua sắm vắc xin dịch vụ, Tổ KHNV, Tổ Văn phòng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban lãnh đạo;
- Lưu: VT, KHNVD.

TRƯỞNG TRẠM



Lê Minh Đức





1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm	GBK/LH hoặc GP/NK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
1	Verorab Vắc xin đại (bắt hoạt), điều chế trên canh cấy tế bào	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus đại bắt hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (tính lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3,25 IU/0,5ml/liều		Tiền bắp, tiêm trong da	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%, Hộp 10 lọ, mỗi lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%	Nhóm 1	3003103058 24	Sanofi Pasteur, Pháp	Lọ	1.500	284.390	426.585.000
2	Hexaxim	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bắt hoạt): Type 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Type 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Type 3 (Sankey) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae type b (Polysorbiribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bắt hoạt): Type 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Type 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Type 3 (Sankey) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae type b (Polysorbiribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg		Tiền bắp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 02 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều (0,5ml)	Nhóm 1	3003100381 23	Cơ sở sản xuất: Sanofi Pasteur; Cơ sở kiểm tra chất lượng bản thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng là vắc xin: Sanofi Pasteur; Cơ sở sản xuất Bản thành phẩm cuối, nạp Bản thành phẩm cuối vào bơm tiêm hay vào lọ, đóng gói bao bì thứ cấp đối với sản phẩm đóng trong bơm tiêm hay trong lọ, kiểm tra chất lượng Bản thành phẩm cuối và sản phẩm đã đóng ống, xuất xưởng là vắc xin: Sanofi Pasteur, Pháp	Bơm tiêm	300	916.650	274.995.000
3	Vaxigrip Tetra	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bắt hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 - sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bắt hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15 mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15 mcg HA; B/Phuket/3073/2013 - sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 mcg HA		Tiền	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5 ml	Nhóm 1	3003103059 24	Cơ sở sản xuất, cơ sở đóng ống, cơ sở đóng gói thứ cấp, cơ sở xuất xưởng: Sanofi Pasteur (Địa chỉ: Parc Industriel d'Incarville, 27100 Val de Reuil, Pháp); Cơ sở đóng ống, cơ sở đóng gói thứ cấp: Sanofi Winthrop Industrie (Địa chỉ cơ sở đóng ống, cơ sở đóng gói thứ cấp: 1051 boulevard Industriel, Le Trait, 76580, Pháp); Cơ sở đóng gói thứ cấp, cơ sở xuất xưởng: Sanofi Pasteur (Địa chỉ: 1541 avenue Marcel Merieux, 69280 Marcy l'Etoile, Pháp), Pháp	Bơm Tiêm	1.000	270.000	270.000.000
4	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bắt hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bắt hoạt 80U	Tiền bắp	Hỗn dịch Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml	Nhóm 1	3003102507 23(QL-VX-1050-17)	Sanofi Pasteur, Pháp	Bơm tiêm	300	458.144	137.443.200

STT	Tên Vaccine	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
5	Menactra	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang công hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)* (Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide công hợp và protein) 48 µg (mcg)	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá công hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang công hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)* (Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide công hợp và protein) 48 µg (mcg)	Tiền bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều x 0,5 ml	Nhóm 5	QLVX-H03-1111-18 (có Quyết định giá hạn số đăng ký)	Sanofi Pasteur Inc.Hoa Kỳ	Lọ	150	1.102.000	165.300.000
6	Menquadri	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá công hợp)* 10mcg *được công hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá công hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá công hợp)* 10mcg *được công hợp với chất mang là protein giải độc tố uốn ván khoảng 55mcg	Tiền	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều 0,5ml	Nhóm 1/ Nhóm 5	0013100476 25	Sanofi Pasteur Inc.Hoa Kỳ	Lọ	200	1.653.750	330.750.000
Tổng: 1.605.073.200													
2. CÔNG TY TNHH VẮC XIN THIÊN Y													
1	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Sauket)8 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg công hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Sauket)8 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg công hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Tiền bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTaP-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTaP-HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm	Nhóm 1	30031 0036823	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals - Pháp; Cơ sở xuất xứ: GlaxoSmithKline Biologicals SA - Bỉ	Hộp	350	945.704	330.996.400
2	Rotateq	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant; Rotavirus G2 human-bovine reassortant; Rotavirus G3 human-bovine reassortant; Rotavirus G4 human-bovine reassortant; Rotavirus P1.[A8] human-bovine reassortant	≥ 2,2 triệu IU; ≥ 2,8 triệu IU; ≥ 2,2 triệu IU; ≥ 2,0 triệu IU; > 2,3 triệu IU	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 túi x 1 tuyp nhựa 2ml; Hộp 1 túi x 1 tuyp nhựa 2ml	Nhóm 1	QLVX-990-17	Merck Sharp & Dohme LLC - Hoa Kỳ	Hộp	60	535.320	32.119.200

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Quy cách	Nhóm	GBK/H hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
3	Rotarix	Mỗi liều 1,5 ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^6$ 6,0 (10 mũ 6,0) CCID50	Mỗi liều 1,5 ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^6$ 6,0 (10 mũ 6,0) CCID50	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 ống x 1,5ml; hộp 1 tuýp x 1,5ml	Nhóm 1	540310 037023	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A - Bỉ ; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A - Bỉ	Hộp	350	766.835	268.392.250
4	Synflorix	Một liều (0,5ml) chứa: 1mcg polysaccharide của các tuýp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9Y1,2, 141,2, 23F1,2 và 3mcg của các tuýp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg; 3mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn + 1 kim tiêm/ 1 liều 0,5ml	Nhóm 1	QLVX- 1079-18	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A - Pháp; Cơ sở sản xuất và đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A, Sản xuất và đóng gói:Pháp; Xuất xưởng:	Hộp	300	829.900	248.970.000
5	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tình chế (SAT)	Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 đvqt	Globulin kháng độc tố uốn ván 1500 đvqt	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	Nhóm4	8934102508 23 (QLSP- 1037-17)	Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế (IVAC)/ Việt Nam	Ông	100	34.852	3.485.200
6	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tình chế	$\geq 40IU/0,5ml$	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống (0,5 ml/ống chứa 1 liều vắc xin)	Nhóm 4	8933103231 25(QLVX- 881-15)	Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế (IVAC)/ Việt Nam	Ông	900	16.262	14.635.800
7	Prevenar 13	Mỗi bơm tiêm chứa 1 liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bơm tiêm chứa 1 liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml kèm 1 kim tiêm	Nhóm 1	QLVX-H03- 1142-19	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals -Ireland. Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Belgium NV- Bỉ; Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ireland; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Bỉ	Hộp	700	1.077.300	754.110.000
3. CÔNG TY TNHH AMV PHARMACEUTICAL Công07 Khoản													1.652.708.850
1	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	20mcg/ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm,	Hộp 25 lọ x 1ml	Nhóm 5	8503103044 24 (QLVX- 0624-13)	Center for Genetic Engineering and Biotechnology (CTGB) (Centro Nacional de Biotecnología) - Cuba	Lọ	200	79.905	15.981.000

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Định bào chế	Quy cách	Nhóm	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
2	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	10mcg/0,5ml	Tiền bắp	Hỗn dịch tiền	Hộp 25 lọ x 0,5ml	Nhóm 5	8503103042 24 (QL-VX- 0748-13)	(Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN)) - Cuba	Lọ	50	55.965	2.798.250
3	Vắc xin phòng lao (BCG)	BCG sống, đông khô	Mỗi ống (10 liều) chứa BCG sống, đông khô 0,5mg	Tiền trung da	Bột đông khô	Hộp chứa 20 ống x 10 liều kèm 1 hộp 20 ống natri clorid 0,9% x 1 ml	Nhóm 4	8933102510 23 (QL-VX-996- 17)	Viên vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC) - Việt Nam	Ống	100	83.160	8.316.000
4	Abhayrab	Virus dài bất hoạt (chủng L, Pasteur 206 / Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiền	Bột đông khô pha tiền	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 ống đựng môi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ống) và 10 xy lạnh vô trùng	Nhóm 5	QL-VX- 0805-14	Human Biologicals Institute- Ấn Độ	Lọ	1.000	189.840	189.840.000
5	INDIRAB	Virus dài bất hoạt (chủng Piman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiền bắp/ Tiền trung da	Bột đông khô pha tiền	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống đựng môi hoàn nguyên NaCl 1,5mg/0,5ml và 1 xy lạnh vô trùng	Nhóm 5	8903102497 23 (QL-VX- 1042- 17)	Biherat Biotech International Limited- Ấn Độ	Lọ	300	169.890	50.967.000

Cộng: 05 khoản

267.902.250

4.CÔNG TY CỔ PHẦN BIOVACCINE VIỆT NAM

1	V/A- MENGO- BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	Tiền	Hỗn dịch tiền	Hộp 10 lọ, 0,5 ml/lọ	Nhóm 5	8503101107 24 (QL-VX- H02-985- 16)	Instituto Finlay de Vacunas, Cuba	Lọ	1500	175.392	263.088.000
2	Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt - Havax	Protein bao gồm kháng nguyên virut viêm gan A tinh khiết nhỏ hơn 100 mcg	0,5ml/liều	Tiền	Hỗn dịch tiền	Hộp 10 lọ, 0,5 ml/lọ	Nhóm 4	8933101080 24 (QL-VX- 1110-18)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Lọ	300	112.785	33.835.500
3	Influvac Tetra	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN- 010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09- like strain (A/Victoria/4897/2022, IYR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Australia/1359417/ 2021-like strain (B/Australia/1359417/2021, BYR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013 -like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	15 mcg; 15 mcg; 15 mcg; mcg/0,5ml	15 Tiền	Hỗn dịch tiền	Hộp 1 xy lạnh chứa 0,5ml hỗn dịch	Nhóm 1	8703103040 24 (VX-3- 1228-21)	Abbott Biologicals B. V.; Hà Lan	Hộp/ xy lạnh/ Liều	2000	264.000	528.000.000

Cộng:03 khoản

824.923.500

5.CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2

STT	Tên Vaccine	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm	GDCLH hoặc GPKK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
1	BEXSERO	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Tái màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg; - Tái màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiền bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	Nhóm 1	8003100901 23	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l, Ý	Hộp	50	1529926	76.496.300
2	Braxosrix	Mỗi liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 21U$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Mỗi liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 21U$; Giải độc tố uốn ván $\geq 20IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Tiền bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn liều 0,5ml và 2 kim tiêm	Nhóm 1	3003100369 23	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals; CSSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A, CSSXX: Pháp, Ý	Hộp	50	598000	29.900.000
3	Prorix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 10^{5,0}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ ; $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	Tiền dưới da	Bột vaccine xin đông khô	Hộp 1 lọ vaccine xin đông khô, 1 bơm tiêm đóng sẵn dung môi (nước cất pha tiêm) x 0,5ml và 2 kim tiêm	Nhóm 1	VX-1225-21	* CSSX vaccine xin (tạo công thức, đóng ống, đóng khô): FIDIA Farmaceutici S.p.a.; * CSBG thành phẩm (Vaccine xin và nước pha tiêm): GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; * Cơ sở sản xuất nước pha tiêm: - Aspen Notre-Dame de Bondeville - Calant Belgium SA - GlaxoSmithKline Biologicals S.A. CSSX vaccine xin (tạo công thức, đóng ống, đóng khô): Ý; * CSBG thành phẩm (Vaccine xin và nước pha tiêm): Bỉ; * Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: Bỉ; * CSSX nước pha tiêm: Pháp - Bỉ - Bỉ	Hộp	200	270000	54.000.000
4	Twintrix	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HMI75 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiền bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn một liều vaccine xin (1,0 ml) và 1 kim tiêm	Nhóm 1	4003101779 00 (QL.VX-1078-18)	CSSX dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG.; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CSSXX: GlaxoSmithKline Biologicals S.A, CSSXX dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xưởng: Bỉ	Hộp	300	510922	153.276.600

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
5	Varivax	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 10^{3,3}$ PFU	$\geq 10^{3,3}$ PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm dung sẵn dung môi hoàn nguyên (0,5ml) và 2 kim tiêm	Nhóm 1	0013101778 00 (QLVX-1139-19)	CSSX: Corixa Corporation dba GlaxoSmithKline Vaccines; CSSX ông dụng môi: Caralant Belgium SA; Aspen Notre Dame de Bondeville; CS xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; CS dùng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.CSSX: Mỹ; CSSX ông dụng môi: Bỉ / Pháp; CS xuất xưởng: Bỉ; CS dùng môi: Bỉ	Hộp	100	836164	83.616.400
6	M-M-R-II	Lọ (0,5ml): Vĩ-rút sốt ≥ 1.000 CCID ₅₀ ; Vĩ-rút Quai bị ≥ 12.500 CCID ₅₀ ; Vĩ-rút Rubella ≥ 1.000 CCID ₅₀	0,5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ vắc xin đơn liều kèm hộp 10 lọ dung môi pha tiêm	Nhóm 1	QLVX-878-15	CSSX & DG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; CSDG cấp 2 & XX: Merck Sharp & Dohme B.V.; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC; CSSX & DG cấp 1: Mỹ; CSDG cấp 2 & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Lọ	300	249844	74.953.200
7	PNEUMOVA X 23	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Dan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đông sẵn 0,5ml kèm 2 kim tiêm riêng biệt	Nhóm 1	0013103035-24	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.CSSX & Đông gói cấp 1: Mỹ; CSDG cấp 2 & XX: Hà Lan	Bơm tiêm	200	820768	164.153.600
8	Varivax	Okta/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU/lọ	≥ 1350 PFU/lọ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi	Nhóm 1	0013100378-23	CSSX & DG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC; CSDG thứ cấp & XX: Merck Sharp & Dohme B.V.; CSSX dung môi: Jubilant HollisterStier LLC; CSSX & DG sơ cấp: Mỹ; CSDG thứ cấp & XX: Hà Lan, CSSX Dung môi: Mỹ	Lọ	300	915805	274.741.500

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
9	PREVINAR 20	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tủy 1 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 3 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 4 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 5 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 6A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 6B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tủy 7F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 8 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 9V polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 10A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 11A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 12F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 14 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 15B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 18C polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 19A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 19F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 22F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 23F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 33F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 công hợp phẩy cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tủy 1 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 3 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 4 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 5 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 6A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 6B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tủy 7F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 8 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 9V polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 10A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 11A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 12F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 14 polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 15B polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 18C polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 19A polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 19F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 22F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 23F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tủy 33F polysaccharid phẩy cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 công hợp phẩy cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Triên bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	Nhóm 1	5393100475 25	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng là: Pfizer Manufacturing Belgium NV. Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Bơm tiêm	100	1474200	147.420.000
10	IMOVEV	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiền	Bột đông khô	Hộp 1 lọ chứa 1 liều vắc xin bột đông khô và 1 lọ dung môi chứa 0,5ml dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn kèm 1 bơm tiêm và 2 kim tiêm	Nhóm 5	8853103060 24	Global Biotech Products Co. Ltd. Thái Lan	Lọ	300	695218	208.565.400
11	QDENGGA	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tủy huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tủy huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tủy huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Tiền dưới da	Bột pha tiêm	Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xy lanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm	Nhóm 5	4003103039 24	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: IDT Biologika GmbH ; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Takeda GmbH; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: Catalent Belgium S.À. Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Đức; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Đức; Cơ sở sản xuất dung môi dạng ống tiêm đóng sẵn: Bỉ	Liều	500	960336	480.168.000

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo chế	Quỹ cấp H.A	Nhóm	GDKLH hoặc GPKK	Cơ sở sản xuất, Nước sx	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành Tiền
12	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV typ 6; 40mcg protein L1 HPV typ 11; 60mcg protein L1 HPV typ 16; 40mcg protein L1 HPV typ 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi typ 31,33,43,52 và 58	0.5ml	Tiền bắp	Hỗn Dịch Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm	Nhóm 1	VX3-1234-21	CSSX & DG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; CSDG cấp 2 & xuất xứ: Merck Sharp & Dohme B.V.CSSX & DG cấp 1: Hoa Kỳ, CSDG cấp 2 & xuất xứ: Hà Lan	Bơm tiêm	1000	2726850	2.726.850.000
		Tổng: 12 khoản:											4.474.141.000
		Tổng cộng: 33 khoản											8.824.748.800

Bảng chữ:Tám tỷ tám trăm hai mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm đồng